

BIỂU MẪU CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

Năm học: 2025 – 2026

Điều kiện bảo đảm an toàn – chăm sóc sức khỏe trẻ em

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo vị trí việc làm			Chia theo trình độ đào tạo			Bồi dưỡng TX	
			Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Chưa ĐT	CD	ĐH	Hoàn thành	Chưa HT
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	15	0	11	3	1	0	14	13	
I	Giáo viên	15	0	15	0	0	0	10	10	0
1	Nhà trẻ	3	0	3	0	0	0	3	3	0
2	Mẫu giáo	7	0	7	0	0	0	7	7	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	3	3	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	1	1	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	2	2	0
III	Nhân viên	2	2	0	0	0	0	1	2	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	0	0	1	0	0	0	1	1	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	1	0	0	0	1	0	0	0	0

	Quy định	Số lượng hiện có	Đối sánh với quy định
Tổng số cán bộ quản lý	3	3	Đủ
Tổng số giáo viên	13	10	Thiếu 3
Tổng số nhân viên	3	2	Thiếu 1
Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp		100%	
Tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn		100%	

2. Cơ sở vật chất – thiết bị phục vụ chăm sóc và giáo dục

TT	Nội dung thông tin		ĐV	Trung tâm	Điểm trường Huổi Hương	Điểm trường Khon Kén	Điểm trường g Pha Lay	Tổng
1	Tổng diện tích đất khuôn viên trường	Tổng diện tích	m2	5000	600	486	800	6886
		Diện tích bình quân trên trẻ	m2/trẻ	25.69	15.30	12.41	17.64	20.38
		Đối chiếu so sánh với yêu cầu tối thiểu		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng phòng	Phòng	4	1	0	0	5
		Tổng diện tích	m2	90	15	0	0	105
		Đối sánh với yêu cầu tối thiểu	m2	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
3	Phòng khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	Số lượng phòng	Phòng	3	2	2	2	
		Tổng diện tích	m2	120	57	81	70	
		Diện tích bình quân trên trẻ	m2/trẻ	1.4	1.33	2.08	1.94	
		Đối sánh với yêu cầu tối thiểu		Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Khối	Tổng diện tích	m2	27.2	13.26	16	15.4	71.86
		Diện tích bình quân		0.23	0.31	0.41	0.43	0.30

	phòng tổ chức ăn	trên trẻ	m2/trẻ					
		Đổi sánh với yêu cầu tối thiểu		Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Khối phụ trợ	Tổng diện tích	m2	370.8	78	75	76.5	600.25
		Diện tích bình quân trên trẻ	m2/trẻ	3.14	1.81	1.92	2.13	2.54

			Đối sánh với yêu cầu tối thiểu		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Nhà WC	Tổng diện tích	m2	17.4	13.26	23.76	16.5	70.92
			Diện tích bình quân trên trẻ		0.15	0.31	0.61	0.46	0.30
			Đối sánh với yêu cầu tối thiểu	m2/trẻ	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt
6	Thiết bị, đồ chơi giáo dục	Thiết bị tối thiểu	Số bộ đồ dùng đồ chơi	Bộ	5	2	2	2	11
			Đối sánh với yêu cầu tối thiểu		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
			Số lượng		6	4	1	1	
		Đồ chơi ngoài trời	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu		Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
7	Điều kiện an toàn	y tế	Có nhân viên y tế tăng cường 2 ngày/ tuần						
		Cấp cứu	Đạt						

Mường Nhà, ngày 12 tháng 9 năm 2025



Nguyễn Thị Huyền Thương